

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 06 - 9 - 2022
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Trần Thị Bích Nga; Ông Phạm Văn Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 55/2022/DSST ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: TDP M, thị trấn Krông K, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn H, xã Ea T, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phạm Văn C, trình bày:

Vào ngày 09/5/2020 (tức ngày 17/4/2020 âm lịch) tôi có cho bà Lê Thị H vay số tiền 5.000.000 đồng. Khi vay hai bên viết giấy mượn tiền và có bà H ký nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nợ, thời hạn trả nợ là ngày là 08/6/2020 (tức ngày 16/5/2020 âm lịch).

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù tôi cũng đã tạo điều kiện nhưng bà H vẫn cố tình không trả. Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Lê Thị H trả toàn bộ số tiền gốc là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) và lãi suất do bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ nên tôi yêu cầu tính 1,5%/tháng, lãi tạm tính từ ngày 09/6/2020 đến ngày 08/3/2022 là 21 tháng với số tiền 1.575.000 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 09/3/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2022 và trong quá trình tiến hành tố tụng, bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 09/5/2020 (tức ngày 17/4/2020 âm lịch) tôi có vay số tiền 5.000.000 đồng của ông Phạm Văn C. Khi vay hai bên viết giấy mượn tiền và tôi có ký nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nợ, khi vay ông C chỉ đưa 4.200.000 đồng còn 800.000 đồng thì ông C trừ vào tiền lãi của tháng đầu tiên nhưng không ghi giấy tờ gì, vay về cho chị gái mượn để giải quyết việc cá nhân. Thời hạn trả nợ là ngày 08/6/2020.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng do chị gái chưa trả cho tôi nên tôi chưa có tiền để trả nợ. Nay ông C làm đơn khởi kiện yêu cầu tôi trả toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 09/6/2020 đến ngày 08/3/2022 là 1.575.000 đồng thì tôi có nguyện vọng sẽ được trả nợ gốc mỗi năm trả 1.000.000 đồng, về lãi suất tôi xin ông C không tính, do tôi không có khả năng để trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa ông C với bà H, nhưng hòa giải không thành.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: ông C cung cấp Giấy mượn tiền ngày 17/4/2020 (âm lịch) có chữ ký của bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà Lê Thị H phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng, về lãi suất hai bên có thỏa thuận bằng miệng nhưng không ghi vào giấy vay tiền, tôi tính lãi suất phát sinh tính từ ngày 09/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 06/9/2022 là 26 tháng 28 ngày, lãi suất tính 10%/năm với số tiền 1.171.221 đồng.

Bị đơn: Bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà

giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của BLTTDS và cố tình vắng mặt tại phiên tòa.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 274, 275, 280, 463, 466, 470 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Phạm Văn C số tiền vay nợ gốc là 5.000.000đ và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.171.221 đồng.

Bà Lê Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Phạm Văn C với bà Lê Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được Tòa án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX vẫn tiến

hành xét xử vụ án là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 09/5/2020 (tức ngày 17/4/2020 âm lịch) ông C có cho bà Lê Thị H vay số tiền 5.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ viết tay có bà H ký nhận và thời hạn trả nợ là ngày là 08/6/2020 (tức ngày 16/5/2020 âm lịch), có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy nợ. Do đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H vẫn không chịu trả. Ông C đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà H trả toàn bộ số tiền gốc là 5.000.000đ và lãi suất do bà đã vi phạm thời hạn trả nợ nên ông C yêu cầu tính 10%/năm, lãi tạm tính từ ngày 09/6/2020 đến ngày 06/9/2022 là 26 tháng 28 ngày, với số tiền 1.171.221 đồng.

Bị đơn, cho rằng có ký vào giấy vay số tiền 5.000.000đ và đã trả lãi tháng đầu là 800.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì và không nhớ cụ thể. Quá trình hòa giải bà H chấp nhận trả 5.000.000 đồng nợ gốc, đồng thời xin ông C tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn nhưng ông C không đồng ý. Bà H không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh cho ý kiến của mình nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, cung cấp được 01 giấy mượn tiền ngày 09/5/2020 (tức ngày 17/4/2020 AL) với số tiền nợ gốc là 5.000.000đ và được bà H thừa nhận có ký nhận. HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số nợ gốc là 5.000.000 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc bà H phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng.

Về lãi suất: trong giấy vay nợ không có ghi tiền lãi, ông C cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi vào giấy vay, bà H cũng thừa nhận là có tính lãi, bà H cho rằng sau khi ký giấy vay chỉ nhận được 4.200.000 đồng, còn 800.000 đồng ông C đã trừ tiền lãi tháng đầu nhưng cũng không cung cấp được giấy tờ gì để chứng minh mức lãi cụ thể, ông C yêu cầu tính lãi từ ngày quá hạn với mức lãi suất 10%/năm, bà H xin ông C không tính lãi nhưng không được ông C chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bà H, ông C yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự. Tính từ ngày quá hạn là ngày 09/6/2020 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2022) là 26 tháng 28 ngày với số tiền 1.171.221 đồng. (từ ngày 08/6/2020 đến ngày 06/9/2022 là 26 tháng 28 ngày: $10\% : 12 \text{ tháng} \times 5.000.000\text{đ} \times 26 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}$).

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên buộc bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $(6.171.221\text{đ} \times 5\%) 308.550 \text{ đồng}$. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn C số tiền vay nợ là 6.171.000đ (*Sáu triệu, một trăm bảy mốt nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Trong đó: nợ gốc là 5.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 09/6/2020 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2022) là 1.171.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 309.000 đồng (*Ba trăm linh tư nghìn đồng*) (Lấy tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho ông Phạm Văn C số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0013083 ngày 07/4/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi